

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BẢNG
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 3 - 2018
V/v tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thơ.

2. Bà Trần Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nghiêm Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Xóm M, xã KP, huyện KB, tỉnh HN.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Xóm M, xã KP, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam NH, Tổng cục VIII, Bộ Công an (đóng tại xã TS, huyện KB, tỉnh HN).

Phiên tòa có mặt bà G, vắng mặt ông M có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 08 tháng 11 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị G trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn M lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KP, huyện KB, tỉnh HN ngày 29 tháng 8 năm 1995. Sau khi cưới, vợ chồng cùng nhau chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ ông M thuộc xóm M, xã KP, huyện KB, tỉnh HN đến khoảng năm 2000 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông M chơi bời rồi mắc nghiện ma túy, bà và gia đình đã nhiều lần khuyên giải để ông M từ bỏ ma túy, nhưng ông M không nghe mà ngày càng sử dụng ma

túy nhiều hơn, dẫn đến trong nhà có đồ đạc gì ông M đều bán hết để lấy tiền phục vụ cho nhu cầu nghiện ngập, từ đó vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi chửi nhau. Ngày 26/12/2012, ông M bị bắt và bị Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xử phạt 07 năm 03 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Khi bà vào trại giam để thăm gặp, tiếp tế cho ông M thì bị ông M chửi bới, đe dọa bà. Vì vậy bà xác định tình cảm giữa vợ chồng đến nay đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 02 năm 2018, bị đơn là ông Nguyễn Văn M trình bày và xác nhận: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc, thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng ông đúng như bà G đã trình bày. Nay ông xác định tình cảm giữa vợ chồng đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, bà G xin ly hôn ông, ông hoàn toàn đồng ý.

Về con cái: Bà G, ông M trình bày thống nhất, vợ chồng có 02 con chung là anh Nguyễn Công Đ, sinh ngày 07/7/1996 và chị Nguyễn Thị Hồng Ng, sinh ngày 29/7/1998, hiện anh Đ đã xây dựng gia đình riêng (đã có vợ) và có cuộc sống, công việc ổn định; chị Ng đã gần 20 tuổi, khôn lớn trưởng thành, lao động tự lập được; ông bà không ai có con riêng. Khi ly hôn, bà G và ông M không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Về tài sản chung: Bà G, ông M đều xin tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án phải xem xét.

Về tài sản riêng; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp và công nợ: Bà G, ông M xác nhận cho đến nay vợ chồng không có gì, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên, không thay đổi, bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn M; ngoài ra còn đề nghị về án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và và quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là ông Nguyễn Văn M, hiện đang phải chấp hành hình phạt tù tại Trại giam và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa

không ai đề nghị hoãn phiên tòa, nên đây thuộc trường hợp bị đơn vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn M lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KP, huyện KB, tỉnh HN ngày 29 tháng 8 năm 1995. Phải khẳng định đây là cuộc hôn nhân tự do, tiến bộ, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau ngày cưới, vợ chồng đã có nhiều năm chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng do ông M chơi bời, không chịu tu chí làm ăn dẫn đến nghiện hút ma túy. Bà G và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo ông M từ bỏ ma túy, nhưng ông M không những không bỏ được mà còn quay ra chửi mắng bà G, khiến tình cảm giữa vợ chồng rạn nứt, nhất là từ khi ông M bị bắt về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Nay bà G xin ly hôn ông M và được ông M thừa nhận tình cảm giữa vợ chồng ông đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, ông M nhất trí ly hôn với bà G, chứng tỏ cuộc hôn nhân giữa vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xem xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn M theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con cái: Bà G và ông M có 02 con chung là anh Nguyễn Công Đ, sinh ngày 07/7/1996 và chị Nguyễn Thị Hồng Ng, sinh ngày 29/7/1998. Song đến nay anh Đ đã lấy vợ và có cuộc sống, công việc ổn định; chị Ng đã gần 20 tuổi, khôn lớn trưởng thành, lao động tự lập được. Khi ly hôn, bà G và ông M không yêu cầu Tòa án phải giải quyết về con chung, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà G, ông M xin tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án phải giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về con riêng; tài sản riêng; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp và công nợ: Cả hai cùng thống nhất xác nhận, cho đến nay vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn M thuận tình ly hôn, đáng lẽ ra mỗi bên phải chịu 50% án phí, nhưng do bà G xin chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm (bà G xin chịu thay cả phần án phí ly hôn sơ thẩm của ông M). Do vậy cần chấp nhận sự tự nguyện của bà G, giao bà G chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài ra còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1.1 Điều 1 mục II phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn M.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đồng bà G đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001320 ngày 26/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, bà G đã nộp đủ tiền án phí. Ông M không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn M vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- UBND xã KP;
- Công TTĐT của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ vụ án + văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Trần Quang Minh